

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ
trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị
và thực hiện tinh giản biên chế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Quyết định số 5107/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5607/TTr-STC ngày 25 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và thực hiện tinh giản biên chế, với nội dung chính như sau:

1. Tổng cộng: 76.679.271.683 đồng (bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng); trong đó:

a) Dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ: 76.125.159.683 đồng (bảy mươi sáu tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng).

b) Dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ: 554.112.000 đồng (năm trăm năm mươi tư triệu, một trăm mười hai nghìn đồng).

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn cải cách tiền lương trong ngân sách nhà nước cấp tỉnh năm 2025.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Sở Nội vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định (kể cả các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung trình nhưng chưa được đề cập tại các văn bản tham mưu, thẩm định).

2. Giao Sở Tài chính:

a) Thông báo, phổ biến, hướng dẫn các đơn vị được bổ sung kinh phí tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

b) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực X để kiểm tra, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho các đơn vị được bổ sung kinh phí đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X có trách nhiệm từ chối theo thẩm quyền các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Các đơn vị có tên tại phụ lục kèm theo Quyết định này có trách nhiệm rà soát các đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn để thực hiện chính sách, chế độ liên quan theo đúng quy định của pháp luật; quản lý kinh phí được giao và chi trả cho đối tượng thụ hưởng theo đúng điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, công khai, minh bạch và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành. Thủ trưởng đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các quy định của mình; tham mưu đề xuất, báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền.

4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước khu vực X, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin và theo dõi, hướng dẫn, giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của các đơn vị được bổ sung kinh phí theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung chưa phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại phụ lục kèm theo Quyết định này và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC, THĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục:
DỰ TOÁN KINH PHÍ GIAO CÁC ĐƠN VỊ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Tên đơn vị	Số người	Dự toán kinh phí được giao
	Tổng cộng	59	76.679.271.683
A	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị	58	76.125.159.683
I	Khôi Hành chính	37	52.205.790.517
1	Văn phòng Tỉnh ủy	1	403.410.794
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	3	2.536.571.846
3	Sở Xây dựng	7	9.605.401.592
4	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	1	1.530.886.500
5	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1	1.952.813.070
6	Chi cục Biển đảo và Thủy sản	2	2.932.135.538
7	Chi cục Thủy lợi	2	2.541.583.980
8	Chi cục Kiểm lâm	3	4.793.615.541
9	Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4	6.162.713.915
10	Sở Khoa học và Công nghệ	5	6.520.215.634
11	Sở Nội vụ	2	4.367.831.393
12	Sở Công Thương	6	8.858.610.716
-	Chi cục Quản lý Thị trường	6	8.858.610.716
II	Khôi Đảng - Đoàn thể	4	7.477.913.752
1	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	3	5.958.227.048
2	Hội Nông dân tỉnh	1	1.519.686.704
III	Khôi Sự nghiệp	17	16.441.455.414
1	Nhà hát Nghệ thuật Lam Sơn	10	9.759.555.579
2	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao	1	1.198.898.415
3	Trung tâm Xúc tiến Du lịch và Văn hóa, Điện ảnh	2	1.603.251.000
4	Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Hóa	1	656.756.100

STT	Tên đơn vị	Số người	Dự toán kinh phí được giao
5	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1 (cấp qua Văn phòng Sở Nội vụ)	3	3.222.994.320
B	Kinh phí thực hiện tính giản biên chế	1	554.112.000
I	Khối Hành chính	1	554.112.000
1	Văn phòng Tỉnh ủy	1	554.112.000